TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 44/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 28/8/2017
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Thị Dung

2. Ông Trần Tuấn Hưởng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chiến – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 100/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2017 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2017/QĐST - HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Diệp Thị H, sinh năm 1984

Nơi ĐKHKTT: Tổ 4, phường Q, thành phố T, tỉnh Tn. *(Có mặt tại phiên toà*)

2. Bị đơn: Anh Quán Văn Đ, sinh năm 1982

Nơi ĐKHKTT: Tổ 4, phường Q, thành phố T, tỉnh T. *(Vắng mặt tại phiên toà)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ghi ngày 07/02/2017, bản tự khai ngày 01/3/2017 và tại phiên toà, nguyên đơn chị Diệp Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Quán Văn Đ kết hôn năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường

Q, thành phố T, tỉnh Th vào ngày 27/11/2013. Hai bên gia đình đồng ý có tổ chức cưới hỏi theo phong tục truyền thống. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ của anh Đ tại tổ 4, phường Q, thành phố Thái Nguyên. Quá trình chung sống, anh Đ không chăm lo đến cuộc sống chung của hai vợ chồng, thường xuyên chơi bời, không chịu làm ăn kinh tế, không cùng chia sẻ với chị trong việc chăm sóc con. Đồng thời, do bất đồng quan điểm sống nên vợ cH thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, anh Đ thường hay chửi mắng, xúc phạm và thậm chí đe dọa, đánh đập chị. Chị đã cố gắng tạo cơ hội cho anh Đ sửa chữa nhưng anh không có thay đổi gì. Cuộc sống gia đình luôn luôn căng thẳng, không có sự cảm thông chia sẻ, không có sự tôn trọng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau.Vì vậy, mâu thuẫn giữa chị và anh Đ ngày càng trầm trọng, từ đầu năm 2015 chị đã về nhà mẹ đẻ ở. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Tuy nhiên anh Đ vẫn thường xuyên đến nơi ở của chị để đe dọa, chửi bới, xúc phạm. Đến nay chị xác định tình cảm vợ cH không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ cH đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Quán Diệp A, sinh ngày 16/3/2014. Hiện nay, con chung đang ở với chị. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Quán Văn Đ vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tại Biên bản xác minh của Tòa án, đại diện tổ dân phố số 4 và đại diện công an phường phường Q cho biết: Anh Đ có đăng ký hộ khẩu tại địa phương, không cắt khẩu, không chuyển khẩu đi đâu và vẫn thường xuyên có mặt tại địa phương.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Đ 70, Đ 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành quy định tại Đ 70, Đ 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Đ 28, Đ 35, Đ 147, điểm b khoản 2 Đ 227của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Đ 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Diệp Thị H, cho chị H được ly hôn anh Quán Văn Đ. Về con chung: Giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Đ vì chị H không yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do không có yêu cầu. Án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] **Về tố tụng**: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Đ 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong vụ án này, bị đơn cư trú tại tổ 4, phường Q, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Đ 35 và điểm a khoản 1 Đ 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Quán Văn Đ nhưng không tống đạt được do anh Đ vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục như: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không có mặt. Tòa án cũng đã niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa cho bị đơn nhưng tại phiên tòa lần thứ hai, anh Đ vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Đ 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Quán Văn Đ.

[2.] **Về nội dung**: Cuộc hôn nhân giữa chị Diệp Thị H và anh Quán Văn Đ trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố T, tỉnh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về tình trạng hôn nhân, nguyên đơn chị H khai, sau khi kết hôn, vợ cH chung sống nhưng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và do anh Đ không chịu làm ăn, hay chửi bới, xúc phạm vợ và

không quan tâm, chăm sóc con. Khi mâu thuẫn trở nên căng thẳng,chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay, chị xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ cH được ly hôn để giải phóng cho nhau.

Về phía bị đơn anh Quán Văn Đ không có lời khai nhưng quá trình giải quyết vụ án, địa phương xác nhận anh Đ vẫn thường xuyên có mặt tại địa phương. Mặt khác, mẹ đẻ của anh Đ là bà Đỗ Thị G đã có lần nhận giấy triệu tập của Tòa án để chuyển cho anh nhưng anh Đ không có ý kiến gì phản hồi gửi đến Tòa án. Đ đó cho thấy, bản thân anh Đ đã biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn của vợ cH nhưng anh không quan tâm và cũng không có ý kiến thể hiện mong muốn níu kéo cuộc hôn nhân của vợ cH mình. Do vậy, có căn cứ xác định, mâu thuẫn giữa chị H và anh Đ đã trầm trọng, vợ chồng không còn sự quan tâm, thương yêu và chăm sóc nhau nữa. Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn nên cho chị H được ly hôn anh Đ là phù hợp với Đ 51, Đ 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam năm 2014.

Về con chung: Vợ cH chị H, anh Đ có 01 con chung là Quán Diệp Anh, sinh ngày 16/3/2014. Chị H xin được nuôi con khi vợ cH ly hôn, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện nay con chung của chị H và anh Đ đang ở với mẹ là chị H. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ vắng mặt, không có lời khai thể hiện quan điểm về việc nuôi con và cũng không có mặt tại phiên tòa nên xét thấy nguyện vọng nuôi con của chị H là có cơ sở chấp nhận, cần thiết giao con chung là Quán Diệp A cho chị H nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của con khi bố mẹ ly hôn. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Đ vì chị H không yêu cầu. Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.Vì lợi ích của con, sau khi ly hôn, chị H và anh Đ có quyền thỏa thuận hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi thấy cần thiết.

Tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định không có. Anh Đ không có lời khai nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

□n phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Xét quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa về tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Đ 28, điểm a khoản 1 Đ 35,điểm a khoản 1 Đ 39, Đ 147, điểm b khoản 2 Đ 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đ 51, Khoản 1 Đ 56, Đ 81, Đ 82, Đ 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Đ 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Diệp Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Diệp Thị H được ly hôn anh Quán Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là Quán Diệp A, sinh ngày 16/3/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Đ do chị H không yêu cầu. Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về Án phí: Chị Diệp Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp sang theo biên lai thu số 0004846 ngày 28/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND,VKSND tỉnh Thái Nguyên.
- VKSND TPTN;
- Chi cục THADS TPTN;
- Các đương sự;
- UBND phường Q, TPTN;
- Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Minh Hải